

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN MỸ TÚ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 19 – 02 – 2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Sơn Thanh Bình;

2. Ông Lý Thanh Chiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2024/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp V, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C trình bày:*

Nguyên vào năm 2023, bà và ông Trần Minh N tự nguyện tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 05/9/2023. Sau khi kết hôn, bà và ông N chung sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống bà C và ông N có 01 (một) người con chung là Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2023, hiện nay cháu đang sống chung với bà C. Quá trình chung sống bà C và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 bà yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Trần Minh N; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Gia H đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Đối với bị đơn ông Trần Minh N:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Hồng C.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2023 cho bà Phạm Thị Hồng C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà C chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Hồng C xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Minh N không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng C xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trần Minh N không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

Bên cạnh đó, bà Phạm Thị Hồng C vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Hồng C.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024 bà yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng; nay bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng C xác định bà và ông Trần Minh N tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 05/9/2023. Do đó, hôn nhân của bà C và ông N tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N với lý do sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến thời gian gần đây thì hai bên phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ khi bà C chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Trần Minh N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông N.

[4]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Hồng C xác định trong thời gian chung sống bà C và ông N có 01 (một) người con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2023, hiện nay cháu đang sống chung với bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà C xác định từ khi bà và ông N sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà C và ông N đã không còn chung sống với nhau, trong khoảng thời gian ly thân thì cháu H chung sống với bà C, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu

đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; hiện nay cháu H dưới 36 (Ba mươi sáu) tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Hồng C không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ông Trần Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Hồng C xác định bà và ông Trần Minh N không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Hồng C xác định bà và ông Trần Minh N không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Minh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng C được ly hôn với ông Trần Minh N.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Gia H, sinh ngày 01/7/2023 cho bà Phạm Thị Hồng C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Sau khi ly hôn ông Trần Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Hồng C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0007529 ngày 04/12/2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Minh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Sơn Thanh B – L**

**Dương Thị Thanh H1**